

SẢN PHẨM THẶNG DƯ VÀ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ CÓ PHẢI LÀ PHẠM TRÙ PHỔ BIẾN CỦA KINH TẾ HÀNG HOÁ?

PHAN HY^(*)

Từ những năm 90 (thế kỷ XX) ôi nồôic ta bắt đầu xuất hiện quan niệm cho rằng: trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội vai trò của kinh tế hàng hoá vẫn còn tồn tại phẩm trừ sản phẩm thặng dư và giá trị thặng dư, chứ coi nhiều cần phải phân phối nội bộ thế nào cho hợp lý mà thôi. Gần đây những người coi quan niệm nhô vậy còn viết dẫn Mác về muốn mỗi người phải tin: chính Mác cũng đã thừa nhận giá trị thặng dư là phẩm trừ phổ biến của kinh tế hàng hoá.

Nếu coi cái trái ngược: sản phẩm thặng dư và giá trị thặng dư coi phải là phẩm trừ phổ biến của kinh tế hàng hoá hay không, trước hết cần phải thấy rõ sự khác nhau giữa nền sản xuất hàng hoá giản đơn (sản xuất hàng hoá nhỏ) với nền sản xuất hàng hoá tổ chức công nghiệp.

Trong nền sản xuất hàng hoá giản đơn, người chủ sản xuất hàng hoá, vừa là người sở hữu tư liệu sản xuất vừa là người lao động. Nếu sản xuất ra hàng hoá, thì phải chi phí về lao động quá khứ (lao động của người khác thành tư liệu sản xuất) và chi phí về lao động sống (lao động hiện tại của quá trình sản xuất hàng hoá). Sản phẩm hàng hoá do họ làm ra, về mặt giá trị gồm hai bộ phận: giá trị lao động sống tạo ra. Ở đây tuyệt

không hề có sự hiện diện của giá trị thặng dư. Nhiều nay nhà nước Mác đã cho “Bảng lao động của mình, người chủ hàng hoá có thể tạo ra giá trị không phải là những giá trị tăng lên. Anh ta có thể nâng cao giá trị hàng hoá bằng cách dùng một lao động mới và nếu thêm một giá trị mới vào giá trị hiện có ví dụ nhờ bằng cách lấy da thuốc để làm giày ống chẳng hạn... Giày ống có nhiều giá trị hơn da thuốc, những giá trị của da thuốc vẫn y như trước. Nội không tăng lên, nội không cần thêm giá trị thặng dư vào nội trong thời gian sản xuất giày”⁽¹⁾.

Nói với sản xuất hàng hoá tổ chức công nghiệp khác, tư liệu sản xuất và người lao động bị tách rời nhau, do vậy người chủ sản xuất hàng hoá và người lao động sản xuất hàng hoá mới lập với nhau. Người chủ sản xuất hàng hoá, sử dụng tư liệu sản xuất của mình – với tư cách là tư bản, nếu bỏ một người lao động sản xuất hàng hoá – với tư cách là công nhân làm thuê. Trong quá trình lao động sản xuất hàng hoá, công nhân làm thuê cũng tạo ra giá trị mới, những ôi này nội nồôic chia ra làm hai phần: phần ngang bằng với giá trị sức lao động và nếu công nhân nuôi sống mình, còn phần tăng thêm so với giá trị sức lao động của họ, là nếu làm giàu cho người chủ tư bản.

(*) ThS., Phó Trưởng khoa, Khoa Lý luận Mác-Lênin, Trường Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh

(1) Các Mác. *Tư bản*, t.1, phần 1, Nxb Sô Viết, Hà Nội, 1984, tr.215-216.

hữu tố liệu sản xuất (nhà tắm) – phần này nước Mait gọi là giải trừ thăng đồ. Vì lẽ này lao động của công nhân làm thuê nước chia ra làm lao động cần thiết và lao động thăng đồ. Nhờ vậy, trong nền sản xuất tổ bản chủ nghĩa, giải trừ hàng hóa gồm ba bộ phận: giải trừ lao động vật hóa (giải trừ tố liệu sản xuất); giải trừ sức lao động và giải trừ thăng đồ. Mỗi bộ phận giải trừ nối liền với một công việc của những hàng hóa nước sản xuất ra. Số sản phẩm ứng với giải trừ thăng đồ, nên là sản phẩm thăng đồ. Nhiều nay nhà nước Mait quan niệm rất rõ ràng: “Phần sản phẩm này biểu cho giải trừ thăng đồ, thì chúng ta gọi là sản phẩm thăng đồ”⁽²⁾. Đó chính, sản phẩm thăng đồ cũng nhờ giải trừ thăng đồ mà kết quả do lao động thăng đồ tạo ra. Nhiều nay cho thấy: trong chủ nghĩa tổ bản, giữa lao động thăng đồ; sản phẩm thăng đồ và giải trừ thăng đồ, có sự thống nhất với nhau. Bởi thế nên khi nói: sức bóc lột tổ bản chủ nghĩa là bóc lột giải trừ thăng đồ hay bóc lột lao động thăng đồ, ý nghĩa nếu như nhau. Chính Mait, sau khi trình bày căn cứ về quá trình sản xuất hàng hóa tổ bản chủ nghĩa nhà kết luận: “Nền sản xuất tổ bản chủ nghĩa – về mặt chất là sức sản xuất ra giải trừ thăng đồ, là việc bóc lột lao động thăng đồ”⁽³⁾. Tuy nhiên, việc bóc lột lao động thăng đồ thì không chỉ trong chủ nghĩa tổ bản mới có. Có thể thấy rõ nhiều nay qua sự luận giải của Mait: “Tổ bản không hề phát minh ra lao động thăng đồ. Nói như mỗi bộ phận xã hội chiếm lĩnh quyền về những tố liệu sản xuất thì nói ấy người lao động, tội do hay không tội do, buộc phải thêm vào thời gian lao động cần thiết để nuôi sống bản thân mình một số thời gian lao động để ra dùng để sản xuất ra những tố liệu sinh hoạt cho người chiếm hữu tố liệu sản xuất”⁽⁴⁾. Nhiều khác nhau lại trong các xã hội trước này khi giải trừ sức dùng con chiếm hữu thế so với giải trừ trao đổi của sản phẩm, thì lao động thăng đồ bù đắp lại những nhu cầu nhất định nào này con người với chủ nghĩa tổ bản, lại là

long thêm khai thác vô hạn (theo cách diễn đạt của Mait). Dưới nhiều kiến tạo thì lao động thăng đồ vẫn chế là phẩm trung gian nên nó vẫn tình trạng lao động bù bóc lột. Nếu không phải là thời lao động ném lại sức gia tăng sung túc cho người lao động và cho sự phát triển chung của xã hội.

Qua sự trình bày ở trên có thể rút ra nhiều nay: sản phẩm thăng đồ và giải trừ thăng đồ, với tổ cách là các phẩm trung gian kinh tế hàng hóa, chế có thể tồn tại ở nơi nào mà việc sản xuất hàng hóa, diễn ra trong nhiều kiến tố liệu sản xuất do một bộ phận xã hội nắm giữ theo nguyên người chủ sở hữu tố liệu sản xuất và người lao động sản xuất hàng hóa trôi chảy nối tiếp với nhau. Thiết nghĩ, những người có quan niệm *sản phẩm thăng đồ và giải trừ thăng đồ* là các phẩm trung gian của kinh tế hàng hóa, có lẽ nhà nước chúng ta với các phẩm trung gian cuối cùng và giải trừ sản phẩm cuối cùng (giải trừ giá tăng) của kinh tế học. Nếu quả vậy thì nó là một trở ngại, một sự cản trở khai thác. Trong học thuyết giải trừ thăng đồ cũng nhờ các học thuyết kinh tế khác của mình, không chỉ có nhà sản phẩm thăng đồ và giải trừ thăng đồ nước sử dụng nhờ là phẩm trung gian biểu hiện về sức gia tăng của cải xã hội. Dùng những phẩm trung gian của Mait để thể hiện những nội dung kinh tế không hàm chứa trong các phẩm trung gian của Mait, nên là sự xuyên tạc Mait.

Trở lại việc viện dẫn Mait khi ông nói về lao động của những người thời thu công và nông dân: không những tài sản xuất ra sức lao động của mình mà còn tạo ra giải trừ thăng đồ nữa.

Quả là Mait có nói tới nhiều nội dung về vấn đề của ông như sau: “Có thể những người sản xuất này làm việc với những tố liệu sản xuất của mình, không những tài sản xuất ra sức lao động của mình, mà còn tạo ra giải trừ thăng đồ nữa, hơn nữa hoàn cảnh của họ cho phép họ chiếm lĩnh sản phẩm thăng đồ của bản thân họ”⁽⁵⁾. Căn cứ thấy: lao động của những người thời thu công và nông dân mà Mait nói tới, nên là ở trong

⁽²⁾ Các Mait. *Sđd*, tr.293

⁽³⁾ Các Mait. *Sđd*, tr.338

⁽⁴⁾ Các Mait. *Sđd*, tr.300

⁽⁵⁾ C.Mait và Ph.Ángghen. *Toán tập*, t.26, phần I, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.583

tổ bán chuếnh hóa, khi tổ liệu sản xuất taich là khối ngôôỉ lao ñoing và biến thành tổ bán, con ngôôỉ lao ñoing thì biến thành công nhân làm thuê ñaỉtrôinein quai phó biến, khiến cho “ngôôỉ ñoing dân ñoic lập hay lao ngôôỉ thôi thuic công bò làm vào cainh bò *nhô hoia*. Với tổ cách lao ngôôỉ chui tổ liệu sản xuất thì hơi lao ñaỉtrôinein; với tổ cách lao ngôôỉ lao ñoing thì hơi lao ngôôỉ công nhân làm thuê của chính hơi”⁽⁶⁾. Màic con giai thích thêm: khi ngôôỉ sản xuất (tôic ngôôỉ lao ñoing) lao chui ñaỉtrôinein của tổ liệu sản xuất của mình thì “cái tổ liệu sản xuất ấy không phải lao tổ bán, và ngôôỉ công nhân không ñaỉtrôinein lập với những tổ liệu sản xuất ñoic với tổ cách lao công nhân làm thuê. Tuy vậy, chúng vẫn ñoic coi lao tổ bán, con bán thân ngôôỉ lao ñoing thì bò *nhô hoia*”⁽⁷⁾. Chê trong tình trạng sản xuất hàng hoia giai ñôn bò ñaỉtrôinein với sản xuất hàng hoia tổ bán chuếnh hóa, lao ñoing của những ngôôỉ thôi thuic công và ñoing dân môic ñoic xem ñoic: không những tài sản xuất ra sôic lao ñoing của mình mà con tab ra giai trò ñaỉtrôinein. Không khi mà lao ñoing của hơi và ñaỉtrôinein sống mình, và ñaỉtrôinein làm giai cho chính mình, thì sôic phân biệt giữa *giai trò sôic lao ñoing* với *giai trò ñaỉtrôinein* chê coi trong suy nghĩ chôi không ñaỉtrôinein tài trên thôic tế. Với một cách ví von thì, khi không con sôic phân biệt giữa *Chua cha* và *Chua con*, sôic phân biệt sẽ ñaỉtrôinein vô nghĩa.

Sôic phân biệt ñaỉtrôinein lại càng ñaỉtrôinein vô nghĩa và vô lý với những ngôôỉ lao ñoing mà chính hơi ñaỉtrôinein thành chui ñaỉtrôinein thôic sôic của những tổ liệu

sản xuất chui yếu của xã hội, khi quan hệ sản xuất tổ bán chuếnh hóa không con giôic ñaỉtrôinein và thông trò. Trong ñaỉtrôinein ñoic lao ñoing của hơi lao ñaỉtrôinein cho mình và cho xã hội (suy cho cùng cũng vẫn lao ñaỉtrôinein cho mình), chôi không con ñaỉtrôinein làm giai cho những kẻ bóc lột. ñaỉtrôinein lúc này, ñaỉtrôinein giai *giai trò môic* chê *giai trò môic*, ñaỉtrôinein tất nhiên cần phải phân phó ñaỉtrôinein một cách công bằng, hợp lý.

Ñoic với Việt Nam, hiện ñoic ta ñaỉtrôinein trong thôic kỳ quai ñaỉtrôinein chuếnh hóa xã hội, ñaỉtrôinein kinh tế con tồn tại khác quan một số hình thôic ñaỉtrôinein kinh doanh kiểu tổ bán chuếnh hóa, ñaỉtrôinein vẫn con hiện ñaỉtrôinein *giai trò ñaỉtrôinein* và việc bóc lột lao ñoing làm thuê. Bôic vậy cần coi sôic ñoing xôic ñaỉtrôinein hợp với vẫn ñaỉtrôinein mà ñaỉtrôinein hết và chui yếu lao ñaỉtrôinein qua cái cô chê chính sách ñaỉtrôinein ñaỉtrôinein và sôic quai lý ñaỉtrôinein hiện của ñaỉtrôinein. Trong ñaỉtrôinein kinh tế ñaỉtrôinein ta hiện nay, ngoài loại hình sản xuất hàng hoia tổ bán chuếnh hóa, con coi hai loại hình khác ñaỉtrôinein, ñaỉtrôinein lao sản xuất hàng hoia theo ñaỉtrôinein ñaỉtrôinein xã hội chuếnh hóa và sản xuất hàng hoia giai ñôn (sản xuất hàng hoia nhỏ). ñaỉtrôinein lao ñaỉtrôinein loại hình sản xuất hàng hoia không ñaỉtrôinein trên cô sôic ñaỉtrôinein lao ñoing làm thuê và ñaỉtrôinein chiếm một và trí rất quan trọng trong ñaỉtrôinein sống kinh tế xã hội của ñaỉtrôinein. Vì thế ñaỉtrôinein ñaỉtrôinein sôic ñaỉtrôinein quan tâm lúc này, không phải lao ñaỉtrôinein ñaỉtrôinein *Hôic thuyết giai trò ñaỉtrôinein* mà là *hôic thuyết giai trò - lao ñoing* của Mãic, và ñaỉtrôinein việc ñaỉtrôinein cao ñaỉtrôinein quai kinh tế - xã hội ñaỉtrôinein hai khu vực này. ñaỉtrôinein ñaỉtrôinein ñaỉtrôinein với việc ñaỉtrôinein cao ñaỉtrôinein quai chung của ñaỉtrôinein sản xuất xã hội.

